

Số: 1046/QĐ-UBND

Quận 5, ngày 10 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về công nhận kết quả tuyển dụng viên chức
đối với các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo công lập thuộc Quận 5
năm học 2023 – 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số
85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên
chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch
công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định phân cấp
tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân Quận 5 về tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp
Giáo dục và Đào tạo công lập thuộc Quận 5 năm học 2023 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2024 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5 về thành lập Hội đồng tuyển dụng viên
chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo
Quận 5 năm học 2023 - 2024;

Căn cứ Báo cáo số 87/BC-HĐTDVC ngày 09 tháng 4 năm 2024 của
Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2023 - 2024
về kết quả kỳ tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và
Đào tạo công lập thuộc Quận 5 năm học 2023 – 2024.

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ Quận 5 tại Tờ trình số 752/TTr-NV
ngày 09 tháng 4 năm 2024.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận kết quả tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 5 năm học 2023 - 2024 đối với 265 (*Hai trăm sáu mươi lăm*) thí sinh, trong đó có 125 thí sinh trúng tuyển và 140 thí sinh không trúng tuyển (*Danh sách đính kèm*).

Điều 2. Hội đồng tuyển dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 5 năm học 2023 - 2024 thông báo kết quả công khai trên trang Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Quận 5, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5 và gửi Thông báo công nhận kết quả trúng tuyển đến từng thí sinh trúng tuyển theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 5, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các Ông, Bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT (VX).UBND/Q.5;
- Lưu: VT. PNV (1b). NT.

TH

CHỦ TỊCH



[Signature]

Trương Minh Kiều





DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ SỬ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 5 NĂM HỌC 2023 - 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CẦU 1 (20 ĐIỂM)	CẦU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIỜNG NÓI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
VỊ TRÍ KẾ TOÁN, THỦ QUỸ																
1	Nguyễn Thị Thùy Linh	01/07/1991	Thủ quỹ	Mầm non 1			17.33	23.33	10.00	9.67	4.33	5.00	69.67		69.67	Trúng tuyển
2	Dư Phùng Thanh Mai	01/04/1999	Kế toán viên	Mầm non 5A	Mầm non 5B	Dân tộc thiểu số	10.00	18.33	6.00	9.00	4.00	3.33	50.67	5	55.67	Không trúng tuyển
3	Tổng Thanh Phương	10/05/1993	Kế toán viên	Mầm non 5A	Hàm Tử		12.67	30.00	8.67	10.00	3.00	4.67	69.00		69.00	Trúng tuyển
4	Nguyễn Thị Minh Ngọc	10/11/1999	Kế toán viên	Mầm non 5B			5.00	23.67	6.00	8.00	3.33	4.00	50.00		50.00	Trúng tuyển
5	Trần Ái Huệ	11/8/1979	Kế toán viên	Mầm non 6	Mầm non 5A	Dân tộc thiểu số	8.67	23.33	7.33	7.33	3.00	4.00	53.67	5	58.67	Trúng tuyển
6	Phan Thị Như Anh	17/09/1978	Kế toán viên	Mầm non 9	Nguyễn Viết Xuân		12.67	40.00	7.00	6.33	3.33	4.00	73.33		73.33	Không trúng tuyển
7	Phan Thị Ngọc Thúy	08/08/1983	Kế toán viên	Mầm non 9			14.00	38.33	7.33	9.33	3.67	4.67	77.33		77.33	Trúng tuyển
8	Trần Thị Đan Di	03/03/1981	Kế toán viên	Mầm non 12			10.00	21.67	8.33	8.67	5.00	4.00	57.67		57.67	Trúng tuyển
9	Bùi Thị Bích Ngọc	25/03/1990	Kế toán viên	Mầm non 13		Con Thương binh	8.33	38.33	9.33	9.33	4.00	4.67	74.00	5	79.00	Trúng tuyển
10	Trần Mỹ Phụng	24/11/1993	Kế toán viên	Mầm non 13	Mầm non 9	Dân tộc thiểu số	0.00	15.00	8.33	9.00	4.00	4.67	41.00	5	46.00	Không trúng tuyển
11	Lý Ngọc Diễm Thy	13/06/1986	Kế toán viên	Mầm non 13			8.33	18.33	7.67	8.33	4.33	4.67	51.67		51.67	Không trúng tuyển
12	Lê Thị Thùy Dung	15/12/1990	Kế toán viên	TH Hàm Tử	Mầm non 5A		6.67	25.00	7.67	8.67	4.00	4.67	56.67		56.67	Trúng tuyển
13	Vũ Mạnh Trường	06/06/1986	Kế toán viên	TH Hàm Tử		Con Thương binh	5.00	20.67	7.67	9.33	3.67	4.33	50.67	5	55.67	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CÂU 1 (20 ĐIỂM)	CÂU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIỜNG NỘI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
14	Né Kháng Huy	22/09/1984	Kế toán viên	TH Nguyễn Viết Xuân		Dân tộc thiểu số	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	5	5.00	Không trúng tuyển
15	Phạm Thị Huyền	18/01/1993	Kế toán viên	TH Nguyễn Viết Xuân			10.00	25.00	8.33	7.67	4.00	4.33	59.33		59.33	Không trúng tuyển
16	Hồng Khánh Hải	10/07/1996	Kế toán viên	TH Nguyễn Viết Xuân	TH Hàm Từ	Dân tộc thiểu số	17.33	15.00	7.33	8.33	3.67	4.00	55.67	5	60.67	Trúng tuyển
VỊ TRÍ VẤN THƯ																
1	Nguyễn Trương Thanh Thảo	16/01/1999	Nhân viên văn thư	THCS Kim Đồng			15.00	45.00	9.00	10.00	4.33	4.67	88.00		88.00	Trúng tuyển
2	Nguyễn Chung Tiến	28/10/1988	Nhân viên văn thư	THCS Kim Đồng			0.00	40.00	6.00	10.00	2.00	4.00	62.00		62.00	Không trúng tuyển
3	Nguyễn Huỳnh Diễm Phúc	26/01/1989	Nhân viên văn thư	TH Chính Nghĩa	THCS Kim Đồng		17.33	40.67	9.00	10.00	4.00	3.33	84.33		84.33	Không trúng tuyển
4	Huỳnh Ngọc Trâm	08/09/1990	Nhân viên văn thư	TH Chính Nghĩa			18.00	47.00	9.00	9.33	3.17	3.67	90.17		90.17	Không trúng tuyển
5	Nguyễn Thị Thanh Xuân	08/09/1984	Nhân viên văn thư	TH Chính Nghĩa			18.00	47.33	9.67	9.67	5.00	5.00	94.67		94.67	Trúng tuyển
6	Trịnh Trần Diễm My	23/09/1996	Nhân viên văn thư	THCS Trần Bội Cơ			18.00	45.00	10.00	10.00	5.00	5.00	93.00		93.00	Trúng tuyển
7	Phạm Huyền Trân	23/07/1985	Nhân viên văn thư	THCS Trần Bội Cơ	TH Chính Nghĩa		19.00	30.00	8.00	10.00	4.00	4.00	75.00		75.00	Không trúng tuyển
VỊ TRÍ THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM																
1	Nguyễn Thành Nguyễn	09/04/1974	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	THCS Lý Phong		Công an xuất ngũ	20.00	31.67	9.33	10.00	3.67	4.33	79.00	5	84.00	Trúng tuyển
VỊ TRÍ THU VIỆN																
1	Trần Thị Kim Thi	25/12/1988	Thư viện	TH Báu Sen			16.00	11.33	7.33	9.00	3.67	4.33	51.67		51.67	Không trúng tuyển
2	Trương Thị Ngọc Trâm	16/07/1993	Thư viện	TH Báu Sen			14.00	41.67	9.67	9.67	4.50	5.00	84.50		84.50	Trúng tuyển
3	Bùi Thị Phương Thanh	21/07/1988	Thư viện	TH Lê Đình Chinh			17.00	42.67	8.00	9.00	4.00	4.00	84.67		84.67	Trúng tuyển
4	Tăng Ngọc Trâm	10/03/1988	Thư viện	TH Lê Đình Chinh	TH Minh Đạo		6.67	13.00	7.33	8.67	4.83	4.17	44.67		44.67	Không trúng tuyển
VỊ TRÍ GIÁO VIÊN MẦM NON																

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CÂU 1 (20 ĐIỂM)	CÂU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIỌNG NÓI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
1	Trần Lê Lan Anh	08/07/1998	Giáo viên Mầm non	Mầm non 2B			15.33	40.00	8.00	8.67	4.50	4.00	80.50		80.50	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	16/09/1996	Giáo viên Mầm non	Mầm non 2B	Mầm non Hòa Mi ₂		10.00	40.67	8.00	8.00	3.83	3.50	74.00		74.00	Trúng tuyển
3	Nguyễn Thị Kiến Hòa	25/06/2002	Giáo viên Mầm non	Mầm non 2B			10.00	30.67	5.67	8.33	4.00	3.67	62.33		62.33	Trúng tuyển
4	Phạm Thị Hồng Loan	30/08/1992	Giáo viên Mầm non	Mầm non 2B	Mầm non Hòa Mi ₂		17.33	42.00	7.33	8.67	3.83	4.00	83.17		83.17	Trúng tuyển
5	Trần Thị Thanh Nhàn	09/10/2001	Giáo viên Mầm non	Mầm non 2B			8.00	42.00	8.33	9.17	3.83	4.33	75.67		75.67	Trúng tuyển
6	Nguyễn Thị Thảo	04/04/1991	Giáo viên Mầm non	Mầm non 2B	Mầm non 3		14.67	40.00	8.50	9.33	4.00	4.50	81.00		81.00	Trúng tuyển
7	Huỳnh Hồng Diễm	02/12/1980	Giáo viên Mầm non	Mầm non 3	Mầm non Hòa Mi ₁		15.00	41.33	7.33	8.00	3.00	3.33	78.00		78.00	Trúng tuyển
8	Nguyễn Thị Xuân Hồng	20/02/1979	Giáo viên Mầm non	Mầm non 3	Mầm non 2B		16.33	33.00	8.00	7.33	4.00	3.00	71.67		71.67	Không trúng tuyển
9	Huỳnh Bội Mẫn	20/01/1998	Giáo viên Mầm non	Mầm non 3	Mầm non 5A	Dân tộc thiểu số	10.00	40.00	7.67	8.00	4.00	4.33	74.00	5	79.00	Trúng tuyển
10	Phạm Thị Thanh Nga	19/10/1979	Giáo viên Mầm non	Mầm non 3	Mầm non Hòa Mi ₃		6.00	25.00	5.00	5.67	3.33	3.67	48.67		48.67	Không trúng tuyển
11	Nguyễn Ngọc Thanh Nhi	05/08/1998	Giáo viên Mầm non	Mầm non 3	Mầm non 5A		14.67	38.00	8.00	8.17	4.17	4.17	77.17		77.17	Trúng tuyển
12	Nguyễn Thị Cẩm Sang	15/08/1996	Giáo viên Mầm non	Mầm non 3	Mầm non 9		18.00	40.00	8.00	9.00	3.50	4.00	82.50		82.50	Trúng tuyển
13	Lữ Thị Trang	16/07/1979	Giáo viên Mầm non	Mầm non 3			14.67	40.00	8.00	7.50	3.17	3.50	76.83		76.83	Không trúng tuyển
14	Nguyễn Thị Xuân Diệu	10/09/2002	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi ₃	Mầm non Hòa Mi ₂		5.00	35.67	8.00	9.33	4.33	4.33	66.67		66.67	Không trúng tuyển
15	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/09/2002	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi ₃	Mầm non Hòa Mi ₂		15.00	40.00	8.33	8.67	4.00	4.00	80.00		80.00	Trúng tuyển
16	Nguyễn Gia Khánh	04/01/1997	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi ₃		Dân tộc thiểu số	15.00	40.00	8.67	8.67	4.00	4.00	80.33	5	85.33	Trúng tuyển
17	Trần Thị Hồng Lam	15/01/2002	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi ₃			10.00	38.00	5.67	8.00	4.00	4.17	69.83		69.83	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CÂU 1 (20 ĐIỂM)	CÂU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIỌNG NÓI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
18	Lương Thị Kim Ngân	02/07/2002	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi 3			16.00	40.83	8.83	9.67	4.00	4.50	83.83		83.83	Trúng tuyển
19	Dương Thị Thủy Như	22/12/2002	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi 3			10.00	35.00	8.33	8.33	4.33	4.83	70.83		70.83	Trúng tuyển
20	Vũ Thủy Tiên	06/12/1999	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi 3	Mầm non Hòa Mi 2		20.00	39.67	8.83	8.33	3.67	4.67	85.17		85.17	Trúng tuyển
21	Nguyễn Lê Nhật Trinh	29/06/2002	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi 3			10.00	25.83	7.50	8.17	4.00	4.33	59.83		59.83	Không trúng tuyển
22	Lê Thị Đào	01/05/1995	Giáo viên Mầm non	Mầm non 10	Mầm non 11		7.00	37.00	7.50	8.17	4.00	3.67	67.33		67.33	Không trúng tuyển
23	Nguyễn Thị Thủy Hằng	17/06/2001	Giáo viên Mầm non	Mầm non 10	Mầm non 9		8.00	21.67	5.33	6.67	3.17	4.00	48.83		48.83	Không trúng tuyển
24	Phùng Thị Trúc Quỳnh	02/02/2000	Giáo viên Mầm non	Mầm non 10			11.67	39.00	8.33	8.33	3.67	4.50	75.50		75.50	Trúng tuyển
25	Đặng Thị Thu	17/12/1990	Giáo viên Mầm non	Mầm non 10			10.00	37.33	7.67	7.67	4.33	4.33	71.33		71.33	Trúng tuyển
26	Lê Thị Thanh Xuân	10/02/1994	Giáo viên Mầm non	Mầm non 10			10.67	35.67	8.00	8.00	4.33	4.67	71.33		71.33	Trúng tuyển
27	Lê Thị Kim Cương	20/08/1994	Giáo viên Mầm non	Mầm non 13	Mầm non 11		10.00	35.33	8.67	8.67	4.33	4.33	71.33		71.33	Trúng tuyển
28	Lê Thị Ánh Ngọc	08/02/1993	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi 2	Mầm non Sơn Ca		13.67	10.00	6.33	7.00	4.00	4.00	45.00		45.00	Không trúng tuyển
29	Lê Minh Trúc Quỳnh	22/07/2002	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi 2			15.33	45.00	8.50	8.50	3.67	4.00	85.00		85.00	Trúng tuyển
30	Võ Thị Trúc Quỳnh	02/08/2002	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi 2			13.33	46.50	8.83	8.50	4.67	4.83	86.67		86.67	Trúng tuyển
31	Đoàn Diễm Thanh	22/03/1989	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi 2	Mầm non Hòa Mi 3		15.00	40.00	8.17	8.50	4.00	4.00	79.67		79.67	Không trúng tuyển
32	Võ Nguyễn Anh Thư	10/09/2002	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi 2			13.00	46.67	8.00	8.33	3.67	4.00	83.67		83.67	Trúng tuyển
33	Nguyễn Thị Thúy	15/11/1984	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi 2	Mầm non 11		15.67	37.67	7.33	7.33	4.00	4.00	76.00		76.00	Không trúng tuyển
34	Nguyễn Thị Thanh Thúy	05/10/1978	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi 2			10.67	46.50	8.33	8.33	4.83	4.67	83.33		83.33	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CÂU 1 (20 ĐIỂM)	CÂU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIỜNG NÓI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
35	Nhâm Hoàng Diễm Thúy	12/10/1995	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi 2			15.00	46.33	8.83	8.17	4.00	4.00	86.33		86.33	Trúng tuyển
36	Lê Thủy Thùy Trang	26/04/1993	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi 2	Mầm non Sơn Ca		5.00	35.00	8.00	8.00	4.00	4.00	64.00		64.00	Không trúng tuyển
37	Trương Thị Mỹ Trang	29/09/1988	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi 2	Mầm non 2B		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
38	Lê Thị Thúy Vy	31/10/1999	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi 2			13.00	45.00	8.33	8.50	3.83	4.00	82.67		82.67	Trúng tuyển
39	Nguyễn Ngọc Vy	12/03/2001	Giáo viên Mầm non	Mầm non Hòa Mi 2			10.67	31.33	20.67	8.67	5.83	4.83	82.00		82.00	Trúng tuyển
40	Nguyễn Hà Anh	05/10/1997	Giáo viên Mầm non	Mầm non 11			11.67	43.00	8.17	8.50	4.67	4.33	80.33		80.33	Trúng tuyển
41	Châu Mai Dung	07/11/1997	Giáo viên Mầm non	Mầm non 11		Dân tộc thiểu số	16.00	44.00	8.17	8.83	4.17	4.17	85.33	5	90.33	Trúng tuyển
42	Lê Thị Phương Mai	12/01/2002	Giáo viên Mầm non	Mầm non 11			17.67	40.00	7.67	8.00	3.50	4.00	80.83		80.83	Trúng tuyển
43	Huỳnh Thị Kiều Trinh	08/08/2002	Giáo viên Mầm non	Mầm non 11			15.00	35.00	8.00	8.17	4.67	4.00	74.83		74.83	Trúng tuyển
44	Nguyễn Thị Nghĩa	25/08/2002	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca			17.33	46.67	8.67	9.00	4.00	4.33	90.00		90.00	Trúng tuyển
45	Đinh Nguyễn Anh Thư	28/05/2000	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca			11.33	42.33	8.50	8.67	4.33	4.67	79.83		79.83	Trúng tuyển
46	Nguyễn Thị Thu Thủy	21/04/1985	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca	Mầm non Hòa Mi 2		5.33	31.00	7.33	8.00	4.33	4.50	60.50		60.50	Không trúng tuyển
47	Phan Thị Mộng Trâm	06/07/2002	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca			15.00	45.33	8.67	9.00	3.83	4.17	86.00		86.00	Trúng tuyển
48	Nguyễn Thùy Thanh Trúc	05/03/1999	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca			16.33	45.00	8.67	9.00	4.00	4.50	87.50		87.50	Trúng tuyển
49	Trần Đình Phương Uyên	14/08/1998	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca			15.00	48.00	8.67	9.00	4.00	4.50	89.17		89.17	Trúng tuyển
50	Nguyễn Thanh Vy	14/11/1999	Giáo viên Mầm non	Mầm non Sơn Ca			20.00	48.00	8.33	9.00	3.67	4.33	93.33		93.33	Trúng tuyển
51	Hoàng Trần Nguyệt Ánh	16/08/1998	Giáo viên Mầm non	Mầm non Vàng Anh			10.67	40.00	8.00	8.00	4.00	4.00	74.67		74.67	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CÂU 1 (20 ĐIỂM)	CÂU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIỜNG NÓI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
52	Đặng Thị Ngọc Bình	02/06/2001	Giáo viên Mầm non	Mầm non Vàng Anh			14.33	44.00	8.33	8.00	4.00	4.50	83.17		83.17	Trúng tuyển
53	Lê Thị Mỹ Dung	07/04/2001	Giáo viên Mầm non	Mầm non Vàng Anh			15.00	40.00	7.33	7.67	4.00	4.00	78.00		78.00	Trúng tuyển
54	Phạm Thị Hà	04/10/1980	Giáo viên Mầm non	Mầm non Vàng Anh	Mầm non 1		5.33	16.67	7.00	8.33	3.67	4.00	45.00		45.00	Không trúng tuyển
55	Nguyễn Thị Ngoa	18/08/2002	Giáo viên Mầm non	Mầm non Vàng Anh	Mầm non Hòa Mi 2		15.33	40.00	8.33	8.67	4.00	4.50	80.83		80.83	Trúng tuyển
56	Lê Thị Thùy Trang	24/12/1989	Giáo viên Mầm non	Mầm non Vàng Anh			13.00	37.33	8.00	8.33	4.00	4.83	75.50		75.50	Trúng tuyển
57	Nguyễn Hoàng Phương Trinh	25/06/1997	Giáo viên Mầm non	Mầm non Vàng Anh			12.00	35.33	7.67	7.67	4.00	4.00	70.67		70.67	Trúng tuyển
58	Lương Thị Hồng Khuê	25/08/2001	Giáo viên Mầm non	Mầm Non 1			10.67	40.67	7.67	8.00	4.00	4.00	75.00		75.00	Trúng tuyển
59	Phạm Thị Thủy Nga	23/10/2002	Giáo viên Mầm non	Mầm Non 1			10.00	35.33	7.17	7.67	3.33	3.67	67.17		67.17	Trúng tuyển
60	Nguyễn Hoàng Huệ Vy	05/07/1999	Giáo viên Mầm non	Mầm non 1			18.00	39.00	8.50	8.50	3.00	4.33	81.33		81.33	Trúng tuyển
61	Hồ Thị Phương Liên	02/04/1992	Giáo viên Mầm non	Mầm non 8			17.67	43.67	9.33	9.17	4.17	4.17	88.17		88.17	Trúng tuyển
62	Phạm Thị Mỹ Ngọc	24/02/1995	Giáo viên Mầm non	Mầm non 8			16.67	44.00	7.83	8.33	3.83	4.00	84.67		84.67	Trúng tuyển
63	Nguyễn Ngọc Quý	24/12/1996	Giáo viên Mầm non	Mầm non 8			18.00	43.33	8.83	8.50	4.17	4.33	87.17		87.17	Trúng tuyển
64	Phan Thị Tịnh	06/02/1992	Giáo viên Mầm non	Mầm non 8	Mầm non 3		16.33	30.67	7.67	8.17	3.50	4.00	70.33		70.33	Trúng tuyển
65	Trần Thị Thanh Hằng	26/05/2000	Giáo viên Mầm non	Mầm non 5A			16.33	44.67	8.83	8.83	4.00	4.33	87.00		87.00	Trúng tuyển
66	Nguyễn Huỳnh Ngọc Linh	10/11/2000	Giáo viên Mầm non	Mầm non 5A			17.33	35.67	8.17	8.17	4.00	4.00	77.33		77.33	Trúng tuyển
67	Nguyễn Thị Minh Thư	20/12/1995	Giáo viên Mầm non	Mầm non 5A			17.67	22.67	7.00	8.67	4.50	4.17	64.67		64.67	Trúng tuyển
68	Trần Linh Châu	15/09/1995	Giáo viên Mầm non	Mầm non 5B			18.33	40.00	8.67	8.50	5.83	4.00	85.33		85.33	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CÂU 1 (20 ĐIỂM)	CÂU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIỜNG NÓI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
69	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	30/07/1997	Giáo viên Mầm non	Mầm non 9			10.00	29.17	7.67	8.00	3.17	4.00	62.00		62.00	Trúng tuyển
70	Phạm Thị Ngọc Như	24/12/1993	Giáo viên Mầm non	Mầm non 9			11.33	44.67	8.33	8.33	4.33	4.00	81.00		81.00	Trúng tuyển
71	Cao Thị Thanh Thủy	15/08/1988	Giáo viên Mầm non	Mầm non 9	Mầm non Hòa Mi 2		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
72	Nguyễn Thị Diệu Thiện	08/02/1998	Giáo viên	Trường Chuyên biệt tương lai			15.67	45.67	9.00	9.00	4.00	4.00	87.33		87.33	Trúng tuyển
73	Phan Thị Cẩm Tú	27/02/1997	Giáo viên	Trường Chuyên biệt tương lai			18.33	44.33	9.00	9.00	4.00	4.50	89.17		89.17	Trúng tuyển
VỊ TRÍ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC																
1	Lâm Ngọc Anh	30/04/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa		Dân tộc thiểu số	14.00	27.67	9.00	9.67	5.00	5.00	70.33	5	75.33	Trúng tuyển
2	Nguyễn Hương Giang	01/09/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa			13.00	37.33	9.67	10.00	5.00	5.00	80.00		80.00	Trúng tuyển
3	Lý Tú Hà	27/10/1993	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa		Dân tộc thiểu số	19.33	40.00	9.67	10.00	5.00	5.00	89.00	5	94.00	Trúng tuyển
4	Lê Thị Thúy Hằng	21/03/2000	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa	TH Lý Cảnh Hón		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
5	Lê Mạnh Hùng	16/03/1999	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa			13.67	22.33	9.00	10.00	4.50	5.00	64.50		64.50	Không trúng tuyển
6	Trầm Huệ Linh	08/02/2000	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa	TH Nguyễn Đức Cảnh	Dân tộc thiểu số	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	5	5.00	Không trúng tuyển
7	Lữ Kiếp My	09/10/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa		Dân tộc thiểu số	20.00	37.33	9.33	9.67	4.50	5.00	85.83	5	90.83	Trúng tuyển
8	Quan Bảo Nghi	08/09/1993	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa	TH Trần Bình Trọng	Dân tộc thiểu số	11.67	24.33	9.00	9.67	4.67	5.00	64.33	5	69.33	Không trúng tuyển
9	Nguyễn Tấn Phát	31/10/1994	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa	TH Nguyễn Đức Cảnh		6.00	18.33	8.33	10.00	5.00	5.00	52.67		52.67	Không trúng tuyển
10	Phạm Thị Trúc Phương	14/01/1997	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa	TH Chương Dương		20.00	11.00	8.00	9.33	4.67	5.00	58.00		58.00	Trúng tuyển
11	Nguyễn Thị Kim Thuận	26/12/1999	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa	TH Minh Đạo		10.67	6.67	8.00	9.33	5.00	4.67	44.33		44.33	Không trúng tuyển
12	Đặng Văn Nhân	20/10/1987	Giáo viên Tiếng Anh	TH Trần Quốc Toản	TH Huỳnh Kiến Hoa		20.00	26.67	8.33	8.33	3.67	4.00	71.00		71.00	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CÂU 1 (20 ĐIỂM)	CÂU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIỌNG NÓI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
13	Nguyễn Thị Thu Quy	20/08/1991	Giáo viên Tiếng Anh	TH Trần Quốc Toàn	TH Trần Bình Trọng		6.33	26.67	8.00	8.67	3.83	5.00	58.50		58.50	Trúng tuyển
14	Nguyễn Thị Hoa Cúc	13/01/1988	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa	TH Minh Đạo		16.67	35.33	9.33	9.67	5.00	5.00	81.00		81.00	Trúng tuyển
15	Phạm Thị Thúy Diễm	13/03/1987	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa	TH Minh Đạo		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
16	Lê Thị Kim Hằng	06/06/1995	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa	TH Minh Đạo		16.67	25.67	7.33	8.67	4.67	5.00	68.00		68.00	Không trúng tuyển
17	Trương Thị Mỹ Kim	20/12/1986	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa	TH Trần Bình Trọng		20.00	6.67	6.67	8.67	4.67	4.67	51.33		51.33	Không trúng tuyển
18	Là Thị Diệu Linh	15/02/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa	TH Trần Bình Trọng		0.00	0.00	8.00	9.33	4.67	5.00	27.00		27.00	Không trúng tuyển
19	Nguyễn Thị Ngọc Loan	03/05/1979	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa	TH Minh Đạo		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
20	Lý Hồng Ngọc	02/09/1994	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa	TH Trần Bình Trọng		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
21	Nguyễn Phương Uyên	05/08/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Chính Nghĩa			1.67	16.67	7.67	8.33	5.00	5.00	44.33		44.33	Không trúng tuyển
22	Đoàn Văn Tuấn Anh	27/03/1988	Giáo viên Thể dục	TH Chính Nghĩa			5.00	20.33	7.67	9.00	3.67	4.17	49.83		49.83	Không trúng tuyển
23	Nguyễn Tấn Giàu	21/11/1995	Giáo viên Thể dục	TH Chính Nghĩa			4.33	42.33	9.00	9.67	3.50	5.00	73.83		73.83	Trúng tuyển
24	Vô Văn Hùng	01/01/1987	Giáo viên Thể dục	TH Chính Nghĩa			1.33	33.33	7.67	9.33	3.33	4.67	59.67		59.67	Không trúng tuyển
25	Vô Minh Khoa	19/09/2000	Giáo viên Thể dục	TH Chính Nghĩa			0.00	16.67	8.33	9.00	3.67	4.33	42.00		42.00	Không trúng tuyển
26	Huỳnh Công Nhân	13/02/2001	Giáo viên Thể dục	TH Chính Nghĩa			0.00	42.33	9.00	9.33	3.67	4.67	69.00		69.00	Không trúng tuyển
27	Nguyễn Thanh Tâm	17/07/2000	Giáo viên Thể dục	TH Chính Nghĩa			3.33	34.33	9.00	8.67	3.67	4.33	63.33		63.33	Không trúng tuyển
28	Nguyễn Thị Hồng Bích	04/06/1988	Giáo viên Tiếng Anh	TH Chính Nghĩa	TH Trần Quốc Toàn		10.00	24.33	8.00	9.33	3.83	4.67	60.17		60.17	Không trúng tuyển
29	Nguyễn Hoàng Ngọc Dung	21/08/1990	Giáo viên Tiếng Anh	TH Chính Nghĩa	TH Trần Bình Trọng		17.00	36.67	8.67	9.33	4.67	4.67	81.00		81.00	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CÂU 1 (20 ĐIỂM)	CÂU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIỜNG NÓI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
30	Trương Trung Hiếu	22/01/1997	Giáo viên Tiếng Anh	TH Chính Nghĩa	TH Huỳnh Kiến Hoa	Con Thương binh	10.00	24.00	7.33	8.67	3.33	3.67	57.00	5	62.00	Không trúng tuyển
31	Lê Quang Thuyết	30/06/1999	Giáo viên Tiếng Anh	TH Chính Nghĩa	TH Trần Bình Trọng		14.67	37.67	9.33	9.67	4.50	5.00	80.83		80.83	Trúng tuyển
32	Vương Kim Định	12/11/2000	Giáo viên nhiều môn	TH Huỳnh Mẫn Đạt		Dân tộc thiểu số	9.00	42.00	8.67	9.67	5.00	5.00	79.33	5	84.33	Trúng tuyển
33	Hải Thành	07/10/1996	Giáo viên nhiều môn	TH Huỳnh Mẫn Đạt	TH Lý Cảnh Hớn	Dân tộc thiểu số	13.00	27.67	8.33	9.00	4.00	4.67	66.67	5	71.67	Trúng tuyển
34	Pho Tố Trán	31/07/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Huỳnh Mẫn Đạt		Dân tộc thiểu số	19.67	44.00	8.67	9.67	4.67	5.00	91.67	5	96.67	Trúng tuyển
35	Trịnh Thị Ngọc Yến	28/12/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Huỳnh Mẫn Đạt	TH Chính Nghĩa		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
36	Phạm Thị Ý Chi	07/05/2001	Giáo viên Tin học	TH Huỳnh Mẫn Đạt			0.00	38.33	9.00	9.00	4.67	4.67	65.67		65.67	Trúng tuyển
37	Đoàn Thị Kim Ngọc Huyền	09/05/1999	Giáo viên nhiều môn	TH Chương Dương	TH Lý Cảnh Hớn		11.67	0.00	8.00	9.00	4.33	4.67	37.67		37.67	Không trúng tuyển
38	Phạm Hồng Yến Nhi	19/08/1987	Giáo viên nhiều môn	TH Chương Dương	TH Lê Văn Tám		18.33	3.33	6.33	8.00	4.00	4.67	44.67		44.67	Không trúng tuyển
39	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	04/01/2000	Giáo viên nhiều môn	TH Huỳnh Kiến Hoa	TH Chương Dương		15.00	20.67	8.33	9.67	4.67	5.00	63.33		63.33	Trúng tuyển
40	Trương Ngọc Yến Hồng	23/01/1997	Giáo viên Tiếng Anh	TH Huỳnh Kiến Hoa	TH Lê Văn Tám		4.67	42.00	8.67	9.67	4.00	5.00	74.00		74.00	Trúng tuyển
41	Nguyễn Như Loan	26/03/1982	Giáo viên Tin học	TH Hùng Vương			9.33	35.00	8.00	9.00	3.67	4.67	69.67		69.67	Trúng tuyển
42	Trần Thị Bảo Yến	26/06/1990	Giáo viên Tiếng Anh	TH Phạm Hồng Thái	TH Trần Quốc Toàn		9.33	20.00	8.33	9.33	5.00	5.00	57.00		57.00	Trúng tuyển
43	Phan Ngọc Dương	04/07/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Nguyễn Đức Cảnh			15.67	38.33	8.00	9.67	4.67	4.67	81.00		81.00	Không trúng tuyển
44	Phạm Phát Đạt	11/09/1998	Giáo viên nhiều môn	TH Nguyễn Đức Cảnh	TH Lý Cảnh Hớn		17.33	39.00	7.67	9.67	4.00	5.00	82.67		82.67	Trúng tuyển
45	Hồ Thị Ngọc Đẹp	30/11/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Nguyễn Đức Cảnh	TH Chính Nghĩa		10.00	34.00	7.33	9.67	5.00	5.00	71.00		71.00	Không trúng tuyển
46	Tô Nhất Đình	07/04/2000	Giáo viên nhiều môn	TH Nguyễn Đức Cảnh	TH Chính Nghĩa	Dân tộc thiểu số	14.00	21.67	8.00	9.33	4.33	4.33	61.67	5	66.67	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CÂU 1 (20 ĐIỂM)	CÂU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIỜNG NÓI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
47	Lê Vũ Thảo Như	06/09/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Nguyễn Đức Cảnh	TH Chính Nghĩa		18.67	44.67	9.33	10.00	5.00	5.00	92.67		92.67	Trúng tuyển
48	Từ Phương Tâm	09/08/1999	Giáo viên nhiều môn	TH Nguyễn Đức Cảnh	TH Huỳnh Mẫn Đạt	Dân tộc thiểu số	15.33	31.00	8.67	9.00	4.67	4.67	73.33	5	78.33	Không trúng tuyển
49	Đào Lê Thanh Thảo	15/01/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Nguyễn Đức Cảnh	TH Lý Cảnh Hóm		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
50	Phan Nữ Như Trang	14/04/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Nguyễn Đức Cảnh	TH Minh Đạo		17.67	33.33	8.67	9.00	4.67	4.67	78.00		78.00	Không trúng tuyển
51	Thái Thị Ánh Tuyết	06/07/1996	Giáo viên nhiều môn	TH Nguyễn Đức Cảnh	TH Minh Đạo		16.00	27.00	8.33	9.33	5.00	5.00	70.67		70.67	Không trúng tuyển
52	Nguyễn Quang Tâm	02/09/1985	Giáo viên Tin học	TH Nguyễn Đức Cảnh			12.00	29.33	8.33	9.00	4.67	5.00	68.33		68.33	Trúng tuyển
53	Bùi Thị Quỳnh Mai	18/08/1997	Giáo viên nhiều môn	TH Lê Văn Tám	TH Trần Bình Trọng		10.00	21.67	7.00	9.00	4.67	4.67	57.00		57.00	Không trúng tuyển
54	Đỗ Thị Nga	15/03/1993	Giáo viên nhiều môn	TH Lê Văn Tám	TH Trần Bình Trọng		13.33	21.67	6.67	8.67	4.67	5.00	60.00		60.00	Không trúng tuyển
55	Nguyễn Trần Thanh Tuyển	17/05/1999	Giáo viên nhiều môn	TH Lê Văn Tám	TH Minh Đạo		10.00	31.67	8.33	9.00	4.67	5.00	68.67		68.67	Trúng tuyển
56	Nguyễn Hồng Anh	12/01/1997	Giáo viên Tiếng Anh	TH Lê Văn Tám	TH Trần Bình Trọng		7.00	26.67	8.00	8.67	5.00	5.00	60.33		60.33	Trúng tuyển
57	Nguyễn Thị Bảo Ngân	03/12/1999	Giáo viên nhiều môn	TH Lý Cảnh Hóm	TH Chính Nghĩa		9.33	31.00	8.33	9.00	5.00	5.00	67.67		67.67	Trúng tuyển
58	Lê Yến Ngọc	11/09/2000	Giáo viên nhiều môn	TH Lý Cảnh Hóm	TH Nguyễn Đức Cảnh		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
59	Nguyễn Bá Minh Hà	10/11/1978	Giáo viên nhiều môn	TH Minh Đạo	TH Huỳnh Mẫn Đạt		10.00	15.67	6.33	9.00	4.33	4.67	50.00		50.00	Không trúng tuyển
60	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/05/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Minh Đạo			17.67	42.33	9.33	10.00	5.00	5.00	89.33		89.33	Trúng tuyển
61	Lê Hữu Hào	24/09/2000	Giáo viên nhiều môn	TH Minh Đạo			17.50	40.00	8.00	9.67	4.00	4.83	84.00		84.00	Trúng tuyển
62	Lê Tấn Phát	14/09/1997	Giáo viên nhiều môn	TH Minh Đạo			17.67	43.33	9.00	9.67	4.67	5.00	89.33		89.33	Trúng tuyển
63	Dương Thu Thảo	03/08/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Minh Đạo	TH Chính Nghĩa		10.00	40.33	9.33	10.00	4.67	5.00	79.33		79.33	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CÂU 1 (20 ĐIỂM)	CÂU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIỜNG NÓI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
64	Phạm Huỳnh Bảo Thi	07/05/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Minh Đạo			11.67	39.67	9.00	10.00	5.00	5.00	80.33		80.33	Không trúng tuyển
65	Hoàng Gia Hân	26/12/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Trần Bình Trọng			18.00	36.67	9.00	9.00	5.00	5.00	82.67		82.67	Trúng tuyển
66	Trần Minh Khuê	09/03/2000	Giáo viên nhiều môn	TH Trần Bình Trọng	TH Minh Đạo		8.00	13.67	7.00	6.33	4.83	3.50	43.33		43.33	Không trúng tuyển
67	Nguyễn Cát Lượng	16/04/2000	Giáo viên nhiều môn	TH Trần Bình Trọng			16.67	45.00	9.67	10.00	5.00	4.67	91.00		91.00	Trúng tuyển
68	Nguyễn Thị Hồng Phúc	11/06/2001	Giáo viên nhiều môn	TH Trần Bình Trọng	TH Hàm Tử		12.00	32.67	8.33	9.33	5.00	5.00	72.33		72.33	Trúng tuyển
69	Nguyễn Thị Kim Việt	15/06/1996	Giáo viên nhiều môn	TH Trần Bình Trọng	TH Chính Nghĩa		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
70	Vũ Thị Vân Anh	25/03/1983	Giáo viên Tiếng Anh	TH Trần Bình Trọng			0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
71	Lê Thị Xuân Mai	24/12/1976	Giáo viên Tiếng Anh	TH Trần Bình Trọng	TH Chính Nghĩa	Con Thương binh	8.00	30.00	7.67	8.00	4.00	4.17	61.83	5	66.83	Không trúng tuyển
72	Dương Thị Như	28/06/1998	Giáo viên Tiếng Anh	TH Trần Bình Trọng			12.00	39.67	8.83	9.67	4.17	4.83	79.17		79.17	Trúng tuyển
73	Võ Thị Trúc Phương	17/04/1997	Giáo viên Tiếng Anh	TH Trần Bình Trọng			10.00	36.33	8.67	9.67	4.00	5.00	73.67		73.67	Không trúng tuyển
74	Nguyễn Tổ Tâm	30/05/1974	Giáo viên Tiếng Anh	TH Trần Bình Trọng	TH Trần Quốc Toản		14.00	22.00	7.00	8.67	4.00	4.67	60.33		60.33	Không trúng tuyển
75	Nguyễn Thu Thảo	28/08/2000	Giáo viên Tiếng Anh	TH Trần Bình Trọng			14.00	10.00	7.00	9.00	4.17	5.00	49.17		49.17	Không trúng tuyển
76	Phạm Thị Cẩm Tú	19/06/1997	Giáo viên Tiếng Anh	TH Trần Bình Trọng	TH Chính Nghĩa		9.33	44.00	9.67	10.00	4.17	5.00	82.17		82.17	Trúng tuyển
77	Dương Thị Thanh Ngân	13/07/2001	Giáo viên Tin học	TH Trần Bình Trọng	TH Trần Quốc Toản		8.00	13.67	7.00	8.33	4.17	4.00	45.17		45.17	Không trúng tuyển
VỊ TRÍ GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ - GDNN - GDTX																
1	Huỳnh Nguyễn Hải Đăng	20/04/1999	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Kim Đồng			10.00	40.00	10.00	10.00	3.00	5.00	78.00		78.00	Không trúng tuyển
2	Đàm Khánh Linh	10/12/2001	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Kim Đồng	THCS Lý Phong		15.00	35.00	8.00	10.00	4.33	4.00	76.33		76.33	Không trúng tuyển
3	Phan Ánh Linh	18/04/2000	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Kim Đồng	THCS Lý Phong		6.67	0.00	7.00	10.00	3.33	3.33	30.33		30.33	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CÂU 1 (20 ĐIỂM)	CÂU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIỎNG NỘI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
4	Lâm Thanh Ngọc	09/03/1994	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Kim Đồng	THCS Lý Phong		15.00	10.00	7.00	10.00	3.33	3.33	48.67		48.67	Không trúng tuyển
5	Trần Ngọc Diễm Quỳnh	05/06/2001	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Kim Đồng			18.00	32.33	9.33	10.00	4.00	4.33	78.00		78.00	Trúng tuyển
6	Lý Thị Hồng Trâm	24.01.1989	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Kim Đồng	THCS Lý Phong		10.00	20.00	7.00	10.00	3.33	3.33	53.67		53.67	Không trúng tuyển
7	Cao Ngọc Phương Uyên	05/09/1996	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Kim Đồng	THCS Lý Phong		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
8	Nguyễn Hồng Vân	10/03/1993	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Kim Đồng	THCS Lý Phong		18.00	35.00	7.00	10.00	3.00	4.00	77.00		77.00	Không trúng tuyển
9	Lê Ngọc Quỳnh Giang	14/10/2000	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Lý Phong	THCS Kim Đồng		5.00	25.00	7.33	10.00	4.00	3.33	54.67		54.67	Không trúng tuyển
10	Nguyễn Thị Uyên Nhi	29/08/2000	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Lý Phong			20.00	41.67	9.33	9.33	4.33	5.00	89.67		89.67	Trúng tuyển
11	Võ Thị Thanh Thảo	18/11/1999	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Lý Phong	THCS Kim Đồng		0.00	30.00	7.67	10.00	3.00	4.67	55.33		55.33	Không trúng tuyển
12	Nguyễn Phước Thiện	15/10/1989	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Lý Phong	THCS Kim Đồng		10.00	20.00	7.33	9.00	3.67	3.67	53.67		53.67	Không trúng tuyển
13	Nguyễn Thành Trung	17/10/1987	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Lý Phong	THCS Kim Đồng		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
14	Lê Nguyễn Bảo Vy	16/11/2001	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Lý Phong	THCS Kim Đồng		10.00	15.00	7.00	9.33	3.67	3.67	48.67		48.67	Không trúng tuyển
15	Nguyễn Thanh Xuân	02/01/2000	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Lý Phong	THCS Kim Đồng		15.00	15.00	7.33	9.00	4.00	3.67	54.00		54.00	Không trúng tuyển
16	Nguyễn Thị Lan Anh	20/02/2001	Giáo viên Ngữ Văn	THCS Lý Phong	THCS Mạch Kiếm Hùng		18.00	40.00	6.67	9.00	3.33	3.67	80.67		80.67	Không trúng tuyển
17	Trần Thanh Duy	26/03/2000	Giáo viên Ngữ văn	THCS Lý Phong	THCS Ba Đình		18.00	38.00	10.00	10.00	5.00	5.00	86.00		86.00	Trúng tuyển
18	Huỳnh Thị Muội	21/01/2001	Giáo viên Ngữ Văn	THCS Lý Phong			10.00	25.33	8.00	9.33	4.00	4.00	60.67		60.67	Không trúng tuyển
19	Trần Thị Duyên	16/10/1986	Giáo viên Lịch sử	THCS Lý Phong	THCS Trần Bội Cờ		20.00	40.00	9.00	9.33	4.00	4.67	87.00		87.00	Trúng tuyển
20	Nguyễn Duy Trường	15/03/2000	Giáo viên Lịch Sử	THCS Lý Phong	THCS Trần Bội Cờ		20.00	45.00	10.00	10.00	4.33	4.67	94.00		94.00	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CÂU 1 (20 ĐIỂM)	CÂU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIỌNG NÓI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
21	Nguyễn Thị Hồng Nhung	15/08/1992	Giáo viên KTN	THCS Lý Phong			20.00	45.00	8.33	9.33	3.67	4.33	90.67		90.67	Trúng tuyển
22	Vũ Thanh An	23/06/1999	Giáo viên Toán	THCS Lý Phong			15.33	23.33	8.00	9.00	3.33	4.00	63.00		63.00	Không trúng tuyển
23	Nguyễn Thị Ngọc Hân	15/08/1996	Giáo viên Toán	THCS Lý Phong	THCS Ba Đình		10.00	35.00	9.00	9.33	4.67	5.00	73.00		73.00	Không trúng tuyển
24	Lê Hoàng Minh	06/10/1979	Giáo viên Toán	THCS Lý Phong	THCS Hồng Bàng		0.00	25.00	6.67	9.33	3.00	3.67	47.67		47.67	Không trúng tuyển
25	Châu Phạm Tuyết Ngân	10/07/2001	Giáo viên Toán	THCS Lý Phong	THCS Hồng Bàng		15.00	30.00	7.33	9.00	3.33	4.33	69.00		69.00	Không trúng tuyển
26	Nguyễn Thị Huyền Thương	04/03/2001	Giáo viên Toán	THCS Lý Phong	THCS Ba Đình		0.00	25.00	7.67	9.00	4.00	4.33	50.00		50.00	Không trúng tuyển
27	Dương Thái Tông	31/12/1991	Giáo viên Toán	THCS Lý Phong	THCS Ba Đình		18.00	25.00	7.33	9.00	4.00	4.00	67.33		67.33	Không trúng tuyển
28	Ngô Nguyễn Ngọc Trâm	25/04/1996	Giáo viên Toán	THCS Lý Phong			11.33	40.00	10.00	10.00	4.33	5.00	80.67		80.67	Trúng tuyển
29	Nông Thị Hiệp	16/09/1997	Giáo viên Địa lý	THCS Kim Đồng			0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
30	Vì Văn Thắng	13/06/2000	Giáo viên Địa lý	THCS Kim Đồng		Dẫn tộc thiểu số	10.00	25.00	8.00	10.00	3.33	4.00	60.33	5	65.33	Không trúng tuyển
31	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	05/04/1997	Giáo viên Địa lý	THCS Kim Đồng			20.00	45.00	10.00	10.00	4.00	5.00	94.00		94.00	Trúng tuyển
32	Lâm Thanh Bảo	16/01/1996	Giáo viên Tin học	THCS Kim Đồng			18.00	40.00	9.33	10.00	4.00	5.00	86.33		86.33	Trúng tuyển
33	La Nguyễn Chánh	14/02/1979	Giáo viên Tin học	THCS Kim Đồng			18.00	25.00	8.00	10.00	3.33	4.33	68.67		68.67	Không trúng tuyển
34	Nguyễn Cẩm Tuyền	13/04/2001	Giáo viên tiếng văn	THCS Mạch Kiếm Hùng	THCS Lý Phong		20.00	23.33	6.33	9.67	4.00	4.00	67.33		67.33	Trúng tuyển
35	Hứa Gia Huệ	25/11/2001	Giáo viên Tiếng Trung	THCS Mạch Kiếm Hùng		Dẫn tộc thiểu số	5.00	30.00	7.00	9.00	4.67	4.67	60.33	5	65.33	Trúng tuyển
36	Thái Như Ý	26/04/1998	Giáo viên Tiếng Trung	THCS Mạch Kiếm Hùng		Dẫn tộc thiểu số	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	5	5.00	Không trúng tuyển
37	Lục Minh Khanh	10/11/1985	Giáo viên Tin học	THCS Mạch Kiếm Hùng			15.00	28.33	7.67	9.33	3.33	4.67	68.33		68.33	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CÂU 1 (20 ĐIỂM)	CÂU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIỌNG NÓI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
38	Nguyễn Mỹ Luyến	11/07/2001	Giáo viên Tin học	THCS Mạch Kiếm Hùng	THCS Kim Đồng		15.00	23.33	6.33	9.00	4.00	4.33	62.00		62.00	Không trúng tuyển
39	Lê Ngọc Duyên	28/10/1988	Giáo viên Công nghệ (KTCN)	THCS Mạch Kiếm Hùng	THCS Hồng Bàng		17.00	45.00	9.00	10.00	4.00	4.67	89.67		89.67	Trúng tuyển
40	Cao Ích Bằng	03/02/1992	Giáo viên Ngữ văn	THCS Ba Đình	THCS Mạch Kiếm Hùng		18.00	10.00	8.00	10.00	4.00	4.00	54.00		54.00	Trúng tuyển
41	Lê Nguyễn I Pha	10/03/1995	Giáo viên ngữ văn	THCS Ba Đình	THCS Mạch Kiếm Hùng		0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
42	Nguyễn Đức Anh	08/12/2000	Giáo viên Vật Lý	THCS Ba Đình			0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
43	Đình Quốc Khởi	25/10/2001	Giáo viên Vật Lý	THCS Ba Đình			0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
44	Lê Thị Diễm Kiều	04/02/1997	Giáo viên Vật Lý	THCS Ba Đình			0.00	30.00	8.00	10.00	4.00	5.00	57.00		57.00	Không trúng tuyển
45	Lê Văn Mộng	20/01/1995	Giáo viên Vật Lý	THCS Ba Đình			10.00	35.00	8.00	10.00	3.00	5.00	71.00		71.00	Không trúng tuyển
46	Trần Yến Nhi	19/07/2001	Giáo viên Vật Lý	THCS Ba Đình			17.00	30.00	8.00	10.00	4.00	4.00	73.00		73.00	Không trúng tuyển
47	Nguyễn Thị Quyên	28/03/1988	Giáo viên Vật Lý	THCS Ba Đình			19.00	45.00	10.00	10.00	4.33	5.00	93.33		93.33	Trúng tuyển
48	Lê Thị Mỹ Thanh	06/10/1991	Giáo viên Vật Lý	THCS Ba Đình			15.00	35.00	9.33	10.00	4.00	5.00	78.33		78.33	Không trúng tuyển
49	Cao Thị Thảo	15/12/1999	Giáo viên Vật Lý	THCS Ba Đình			18.00	20.00	8.00	10.00	4.00	4.33	64.33		64.33	Không trúng tuyển
50	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	05/03/2001	Giáo viên Vật Lý	THCS Ba Đình			10.00	40.00	10.00	9.33	4.00	5.00	78.33		78.33	Không trúng tuyển
51	Bạch Cẩm Vân	17/08/2001	Giáo viên Vật Lý	THCS Ba Đình			15.00	35.00	8.00	10.00	4.00	4.33	76.33		76.33	Không trúng tuyển
52	Nguyễn Thị Kim Cúc	12/11/1978	Giáo viên Toán	THCS Ba Đình	THCS Lý Phong		18.00	25.00	8.00	10.00	4.00	4.67	69.67		69.67	Không trúng tuyển
53	Lê Hồng Hải	22/04/1997	Giáo viên Toán	THCS Ba Đình	THCS Lý Phong		18.00	40.00	10.00	10.00	5.00	5.00	88.00		88.00	Trúng tuyển
54	Trần Kiến Năng	22/10/2000	Giáo viên Toán	THCS Ba Đình	THCS Lý Phong	Dân tộc thiểu số	19.00	10.00	8.00	10.00	4.00	5.00	56.00	5	61.00	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CÂU 1 (20 ĐIỂM)	CÂU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIỜNG NÓI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
55	Giang Huệ Phương	10/10/1999	Giáo viên Toán	THCS Ba Đình	THCS Hồng Bàng	Dẫn tộc thiểu số	18,00	35,00	8,00	10,00	4,00	5,00	80,00	5	85,00	Không trúng tuyển
56	Phan Văn Tân	29/03/1987	Giáo viên Toán	THCS Ba Đình	THCS Lý Phong		15,67	30,00	8,00	10,00	4,00	4,33	72,00		72,00	Không trúng tuyển
57	Lê Quang Tuấn	02/04/1999	Giáo viên Toán	THCS Ba Đình	THCS Hồng Bàng		10,00	35,00	8,00	10,00	4,00	4,67	71,67		71,67	Không trúng tuyển
58	Lý Ngọc Vy	21/11/2001	Giáo viên Toán	THCS Ba Đình	THCS Lý Phong		18,00	25,00	8,00	10,00	4,00	4,67	69,67		69,67	Không trúng tuyển
59	Thạch Hạ Vy	07/02/1998	Giáo viên Âm nhạc	THCS Trần Bội Cơ			18,00	35,00	8,00	10,00	5,00	5,00	81,00		81,00	Trúng tuyển
60	Nguyễn Thanh Tòng	28/07/1996	Giáo viên Công nghệ (KTCN)	THCS Hồng Bàng	THCS Mạch Kiếm Hùng		10,00	10,00	5,00	8,00	3,00	4,00	40,00		40,00	Không trúng tuyển
61	Lê Khưu Thư Anh	20/03/1986	Giáo viên Toán	THCS Hồng Bàng	THCS Lý Phong		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		0,00	Không trúng tuyển
62	Nguyễn Bảo Thiên Ân	13/03/1996	Giáo viên Toán	THCS Hồng Bàng	THCS Ba Đình		15,00	30,00	10,00	10,00	4,00	5,00	74,00		74,00	Không trúng tuyển
63	Đỗ Thị Diên	09/09/1989	Giáo viên Toán	THCS Hồng Bàng	THCS Ba Đình		20,00	10,00	8,00	10,00	4,00	4,67	56,67		56,67	Không trúng tuyển
64	Nguyễn Tiến Dũng	21/01/1998	Giáo viên Toán	THCS Hồng Bàng			18,00	15,00	8,00	8,67	4,00	4,33	58,00		58,00	Không trúng tuyển
65	Trần Đăng Khoa	31/07/1987	Giáo viên Toán	THCS Hồng Bàng	THCS Lý Phong		15,00	25,00	8,33	10,00	4,00	4,33	66,67		66,67	Không trúng tuyển
66	Tạ Ngân Minh Khôi	27/09/2001	Giáo viên Toán	THCS Hồng Bàng	THCS Lý Phong		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		0,00	Không trúng tuyển
67	Hà Trọng Nghĩa	29/11/1999	Giáo viên Toán	THCS Hồng Bàng	THCS Lý Phong		20,00	40,00	8,00	10,00	4,00	4,00	86,00		86,00	Trúng tuyển
68	Ngô Vĩnh Phú	22/10/1995	Giáo viên Toán	THCS Hồng Bàng	THCS Lý Phong		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	5	5,00	Không trúng tuyển
69	Hoàng Ngọc Sơn	09/02/1988	Giáo viên Toán	THCS Hồng Bàng	THCS Lý Phong		10,00	20,00	8,00	10,00	4,00	5,00	57,00		57,00	Không trúng tuyển
70	Phạm Đức Thắng	02/12/1996	Giáo viên Toán	THCS Hồng Bàng	THCS Lý Phong		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		0,00	Không trúng tuyển
71	Lê Văn Thu	06/06/1976	Giáo viên Toán	THCS Hồng Bàng			10,00	15,00	8,00	10,00	2,00	4,33	49,33		49,33	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CÂU 1 (20 ĐIỂM)	CÂU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIỎNG NÓI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
72	Trương Thị Hồng Thương	01/11/2000	Giáo viên Toán	THCS Hồng Bàng	THCS Lý Phong		10.00	10.00	8.00	10.00	4.00	4.33	46.33		46.33	Không trúng tuyển
73	Thái Công Toàn	21/10/1994	Giáo viên Toán	THCS Hồng Bàng			15.00	30.00	8.00	8.67	3.67	4.33	69.67		69.67	Không trúng tuyển
74	Trần Thanh Vũ Tùng	14/12/1988	Giáo viên Toán	THCS Hồng Bàng	THCS Ba Đình		18.00	20.00	8.00	10.00	4.00	5.00	65.00		65.00	Không trúng tuyển
75	Đinh Phan Khánh Vũ	19/06/2000	Giáo viên Toán	THCS Hồng Bàng			0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
76	Trần Thị Huỳnh Như	24/06/1997	Giáo viên Văn	TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Quận 5			19.00	42.67	10.00	9.67	4.67	5.00	91.00		91.00	Trúng tuyển
77	Phạm Thị Thanh Thảo	01/01/1978	Giáo viên Văn	TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Quận 5			0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
78	Vũ Ngọc Ánh	30/09/1993	Giáo viên Toán	TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Quận 5			0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
79	Nguyễn Quang Diệu	15/07/1980	Giáo viên Toán	TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Quận 5			10.00	0.00	5.67	9.67	4.67	3.67	33.67		33.67	Không trúng tuyển
80	Nguyễn Hoàng Khải	11/02/2001	Giáo viên Toán	TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Quận 5			20.00	37.67	9.00	9.00	4.33	5.00	85.00		85.00	Không trúng tuyển
81	Nguyễn Thị Thùy Lén	11/04/1994	Giáo viên Toán	TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Quận 5			20.00	46.00	9.33	9.67	4.33	4.67	94.00		94.00	Trúng tuyển
82	Nguyễn Tổng Công Minh	17/11/1999	Giáo viên Toán	TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Quận 5			12.00	43.00	8.67	9.33	3.33	3.33	79.67		79.67	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí tuyển dụng	Đơn vị dự tuyển 1	Đơn vị dự tuyển 2	Ưu tiên	CÂU 1 (20 ĐIỂM)	CÂU 2 (50 ĐIỂM)	TRÌNH BÀY (10 ĐIỂM)	TÁC PHONG (10 ĐIỂM)	CHỮ VIẾT (5 ĐIỂM)	GIONG NÓI (5 ĐIỂM)	TỔNG ĐIỂM (100)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (UTKK + Điểm thi)	Kết quả
83	Nguyễn Ngọc Bích Như	26/11/1993	Giáo viên Toán	TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thương xuyên Quận 5			0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
84	Trịnh Thị Kim Phượng	19/12/1989	Giáo viên Toán	TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thương xuyên Quận 5			15.00	35.00	8.00	10.00	4.00	4.00	76.00		76.00	Không trúng tuyển
85	Nguyễn Quốc Sinh	25/05/1985	Giáo viên Toán	TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thương xuyên Quận 5			18.00	35.00	8.00	10.00	3.00	3.67	77.67		77.67	Không trúng tuyển
86	Lê Thị Thanh Thảo	28/12/1986	Giáo viên Toán	TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thương xuyên Quận 5			0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển
87	Bùi Ánh Try	15/11/1976	Giáo viên Toán	TT Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thương xuyên Quận 5			0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00	Không trúng tuyển

Tổng số thí sinh: 265 thí sinh. Trong đó:

- Số thí sinh trúng tuyển : 125 thí sinh

- Số thí sinh không trúng tuyển: 140 thí sinh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

